

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2015/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày 14 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ**Quy định về kiểm dịch thực vật nội địa***Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13;**Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;**Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư Quy định về kiểm dịch thực vật nội địa.***Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định các nội dung về kiểm dịch thực vật nội địa trên phạm vi toàn quốc.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức cá nhân nước ngoài có hoạt động liên quan đến kiểm dịch thực vật nội địa tại Việt Nam.

Điều 3. Phí và lệ phí

Chủ vật thể phải nộp phí, lệ phí kiểm dịch thực vật theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Chương II**NỘI DUNG CÔNG TÁC KIỂM DỊCH THỰC VẬT NỘI ĐỊA****Điều 4. Quản lý giống cây trồng mới nhập khẩu**

1. Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa đối với lô giống cây trồng mới nhập khẩu theo thông báo của cơ quan kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu.

2. Tiến hành điều tra và giám sát sinh vật gây hại trên giống cây trồng mới tại địa điểm gieo trồng theo thông báo của cơ quan kiểm dịch thực vật cửa khẩu hoặc khai báo của chủ vật thể tại địa phương. Khi phát hiện thấy đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam hoặc sinh vật gây hại lạ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ở địa phương phải áp dụng các biện pháp xử lý triệt để và báo cáo ngay về Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng.

3. Kết quả điều tra, theo dõi được lập biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Thời gian theo dõi đối với giống cây trồng mới ngăn ngày nhập khẩu là một vụ sản xuất, đối với cây lâu năm là một năm.

Điều 5. Quản lý sinh vật có ích nhập nội

1. Kiểm tra Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa do cơ quan kiểm dịch thực vật có thẩm quyền cấp.

2. Theo dõi và giám sát địa điểm, phạm vi sử dụng sinh vật có ích nhập nội tại địa phương.

Điều 6. Xây dựng vùng không nhiễm sinh vật gây hại

1. Xây dựng vùng không nhiễm sinh vật gây hại trên các cây trồng chủ lực có tiềm năng xuất khẩu tại địa phương, đáp ứng quy định kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu.

2. Áp dụng các biện pháp để duy trì các vùng không nhiễm dịch hại đã được thiết lập.

Điều 7. Quản lý ổ dịch và vùng dịch

1. Quản lý các ổ dịch đối tượng kiểm dịch thực vật.

Khi xuất hiện các ổ dịch đối tượng kiểm dịch thực vật tại địa phương thì Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phải áp dụng các biện pháp xử lý triệt để nhằm hạn chế khả năng lây lan của đối tượng kiểm dịch thực vật, nhanh chóng báo cáo Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng, đồng thời hướng dẫn, giám sát chủ vật thể thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định. Định kỳ kiểm tra theo dõi các ổ dịch đã được xử lý.

2. Quản lý vùng dịch đối tượng kiểm dịch thực vật

a) Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh phải nhanh chóng xác định ranh giới vùng dịch, báo cáo cơ quan có thẩm quyền công bố dịch; thiết lập các chốt kiểm dịch, quy định địa điểm kiểm dịch thực vật, thực hiện các thủ tục kiểm dịch thực vật đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật được vận chuyển ra từ vùng dịch và thông báo cho Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật ở các tỉnh lân cận biết;

b) Kiểm tra, giám sát các lô vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật từ vùng dịch hoặc đi qua vùng dịch.

3. Quản lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật

a) Vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật được vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật phải được Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật kiểm dịch theo quy định;

b) Hồ sơ, trình tự thủ tục kiểm dịch thực vật được thực hiện theo quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

Điều 8. Hồ sơ và trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật

1. Hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật

Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Đăng ký kiểm dịch thực vật

Chủ vật thể nộp trực tiếp 01 bộ hồ sơ đăng ký cho cơ quan kiểm dịch thực vật nơi gần nhất.

3. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ

Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định.

4. Kiểm tra lô vật thể

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định địa điểm và bố trí công chức kiểm tra ngay lô vật thể theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra sơ bộ

Kiểm tra bên ngoài lô vật thể, bao bì đóng gói, phương tiện chuyên chở; khe, kẽ và những nơi sinh vật gây hại có thể ẩn nấp; thu thập côn trùng bay, bọ hoặc bám bên ngoài lô vật thể.

b) Kiểm tra chi tiết

Kiểm tra bên trong và lấy mẫu lô hàng theo quy định tại QCVN 01-141:2013/ BNNPTNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp lấy mẫu kiểm dịch thực vật; thu thập các vật thể mang triệu chứng gây hại và sinh vật gây hại; phân tích giám định mẫu vật thể, sinh vật gây hại đã thu thập được.

5. Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật

a) Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa (Theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT) cho lô vật thể trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch

Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật thì cơ quan kiểm dịch thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật biết.

b) Trường hợp phát hiện lô vật thể không đáp ứng yêu cầu về kiểm dịch thực vật nội địa thì Cơ quan kiểm dịch thực vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đồng thời phải thông báo cho chủ vật thể biết.

Điều 9. Quản lý sinh vật gây hại trên vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bảo quản trong kho

1. Thực hiện điều tra, theo dõi sinh vật gây hại vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bảo quản trong kho và tại các cơ sở sản xuất, gia công, chế biến và tiêu thụ hàng thực vật nhằm phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật, sinh vật gây hại lạ của Việt Nam. Kết quả điều tra, theo dõi ghi theo mẫu biên bản tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Khi phát hiện sinh vật gây hại là đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc sinh vật gây hại lạ thì Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phải báo cáo Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng, đồng thời hướng dẫn, giám sát chủ vật thể thực hiện các biện pháp xử lý theo quy định.

Điều 10. Quản lý vật thể nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật đã xử lý tại cửa khẩu được đưa về sử dụng tại địa phương

1. Theo dõi, giám sát chặt chẽ tình trạng nhiễm sinh vật gây hại trên các lô vật thể đã được xử lý tại cửa khẩu vận chuyển về địa phương theo thông báo của cơ quan kiểm dịch thực vật cửa khẩu.

2. Trường hợp phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật hoặc đối tượng phải kiểm soát hoặc sinh vật gây hại lạ trên các lô vật thể đó thì phải áp dụng các biện pháp nhằm diệt trừ triệt để sinh vật gây hại theo quy định và báo cáo ngay về Chi cục kiểm dịch thực vật vùng.

Điều 11. Quản lý sinh vật gây hại thuộc danh mục đối tượng phải kiểm soát và danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật nhóm II

1. Thực hiện chương trình điều tra, phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật thuộc nhóm II - Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa

xã hội chủ nghĩa Việt Nam (ban ban hành kèm theo Thông tư số 35/2014/TT-BNNPTNT) trên vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật và đối tượng phải kiểm soát trên giống cây trồng tại địa phương.

2. Khi phát hiện đối tượng kiểm dịch thực vật thuộc nhóm II và đối tượng phải kiểm soát của Việt Nam thì phải áp dụng các biện pháp xử lý triệt để theo quy định và báo cáo ngay về Chi cục kiểm dịch thực vật vùng.

Điều 12. Giám sát xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật bảo quản tại địa phương

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật giám sát hoạt động xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật tại địa phương theo thông báo của tổ chức hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

Điều 13. Phối hợp với Chi cục kiểm dịch thực vật vùng

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phối hợp với Chi cục kiểm dịch thực vật vùng thực hiện công tác kiểm dịch thực vật xuất nhập khẩu trong từng trường hợp theo yêu cầu.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Cục Bảo vệ thực vật

Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các Cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh, các đơn vị trực thuộc Cục, các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ chức, thực hiện công tác kiểm dịch thực vật nội địa theo đúng các quy định của Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong phạm vi, quyền hạn của mình giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác kiểm dịch thực vật nội địa theo các quy định của Thông tư này.

2. Đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố thành lập Trạm kiểm dịch thực vật nội địa trực thuộc Cơ quan chuyên ngành bảo vệ và kiểm dịch thực vật cấp tỉnh theo quy định (tiêu chuẩn theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này), bố trí nhân lực và đầu tư trang thiết bị; cấp kinh phí hàng năm để thực hiện công tác kiểm dịch thực vật nội địa.